



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á

Ngày 31/12/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.6%	-6.3%	10.4%

DT thuần Q4/25
16.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.70 40.5%
YoY: ▲ 3.20 24.3%

LN thuần Q4/25
2.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.91 2427%
YoY: ▼ 4.09 -59.4%

LN sau thuế Q4/25
-64.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 62.0 -2843%
YoY: ▼ 73.2 -813%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-108%
YoY: +/- ▼ 140%

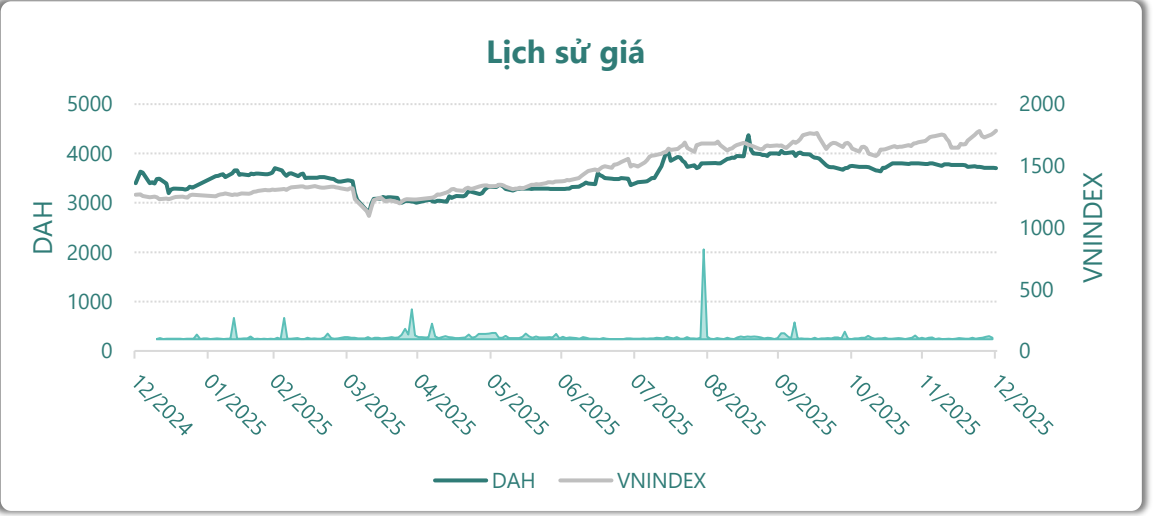
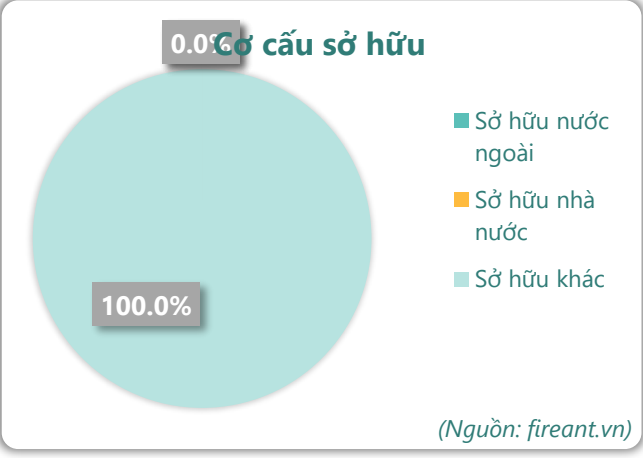
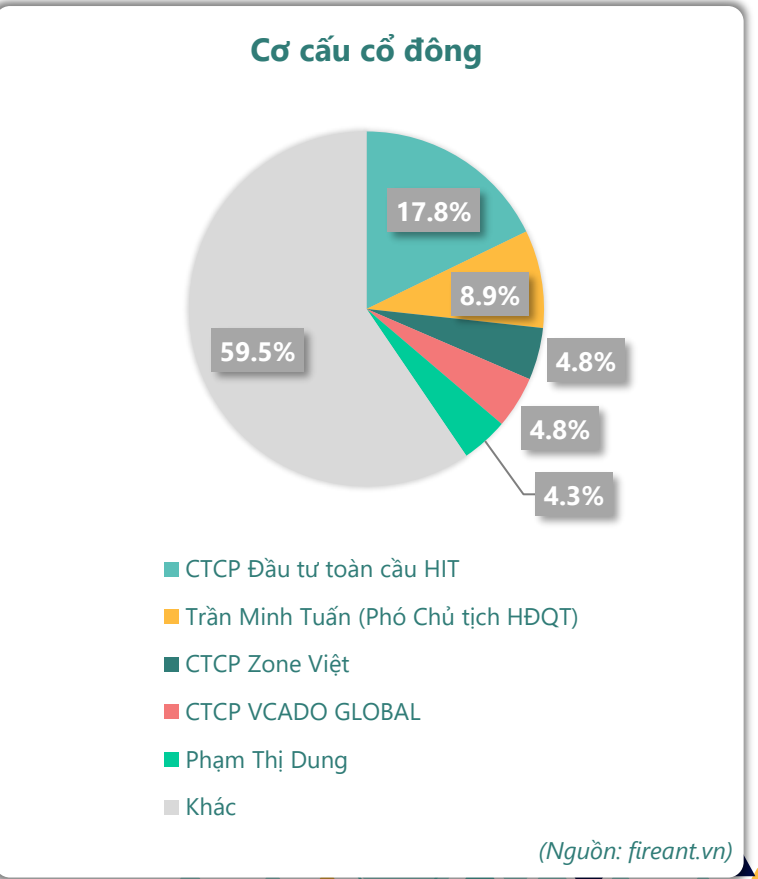
ROE 2025
-7.9%
YoY: +/- ▼ 8.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 4,370
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	312
Số lượng CPLH (CP)	84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	125,805
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.20
EPS	-832
P/E	-4.4

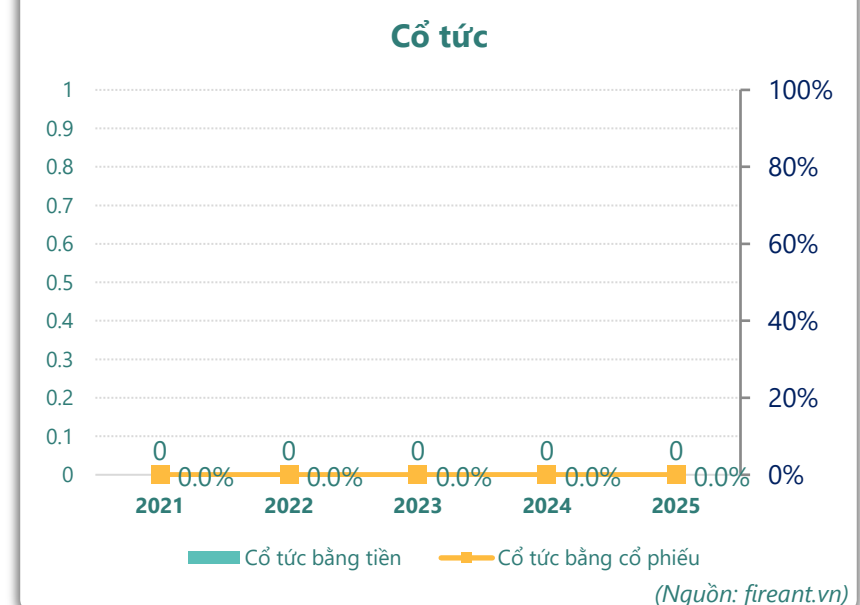
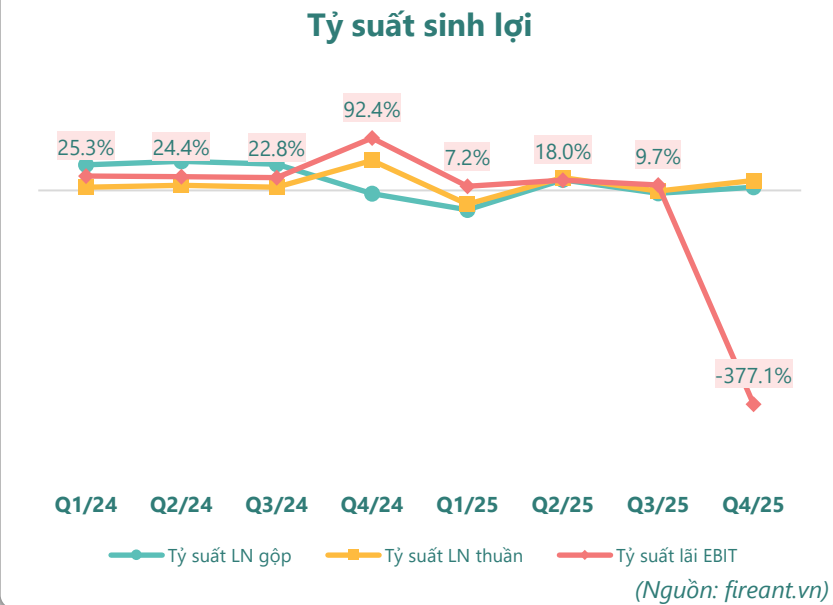
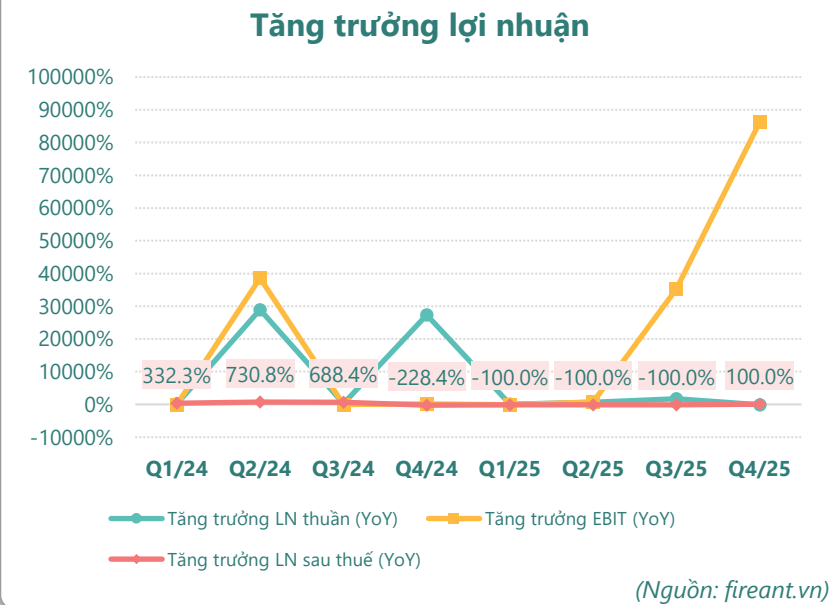
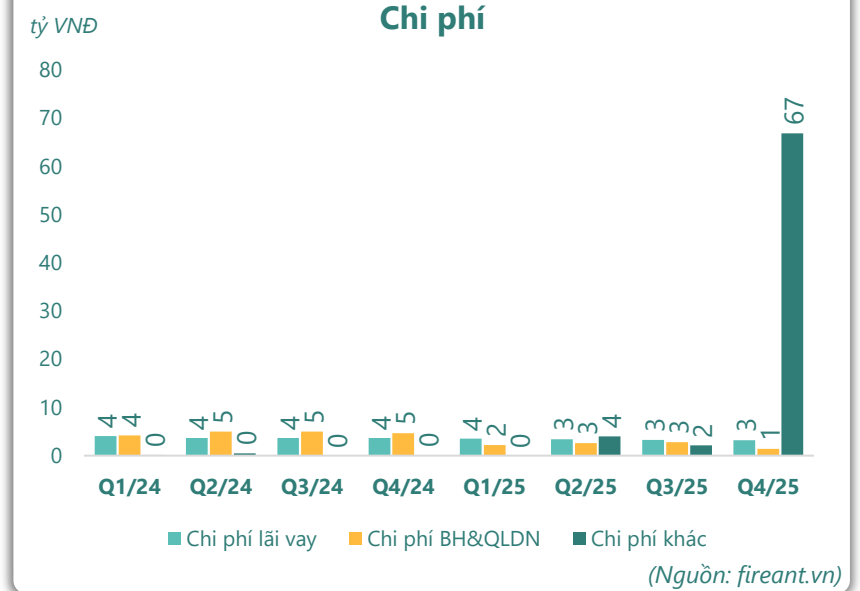
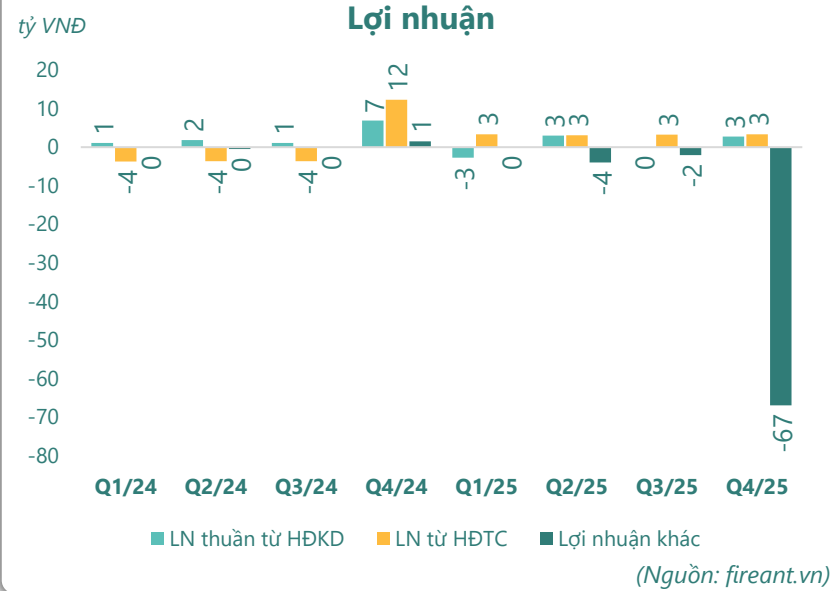
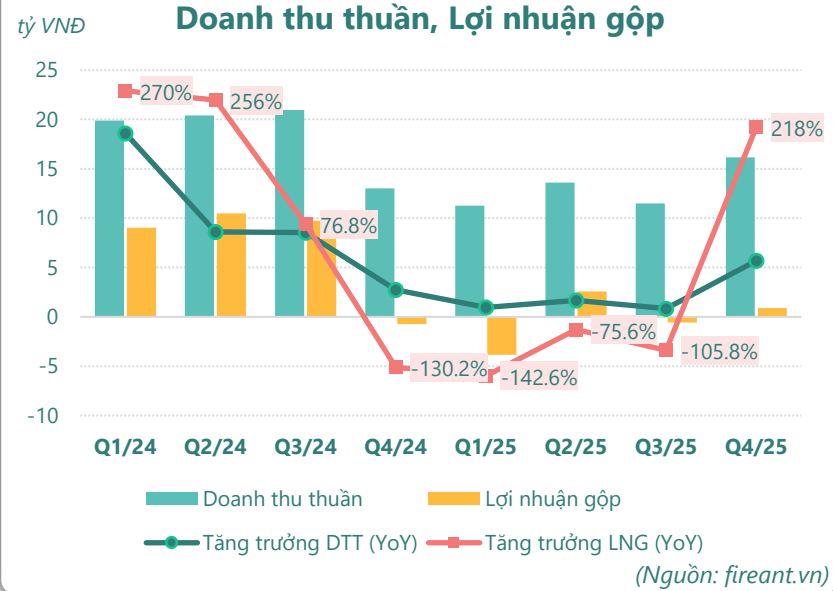
DT thuần 2025
52.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 21.8 -29.3%

LN thuần 2025
2.97
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 6.58 -68.9%

LN sau thuế 2025
-70.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 76.9 -1114%



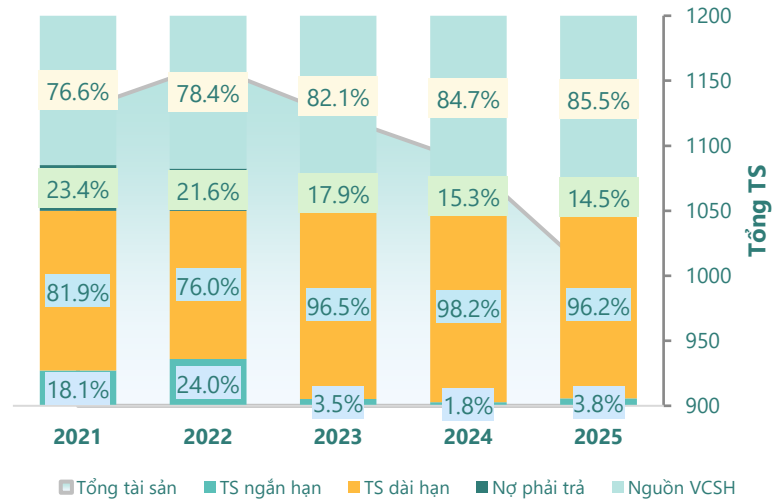
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

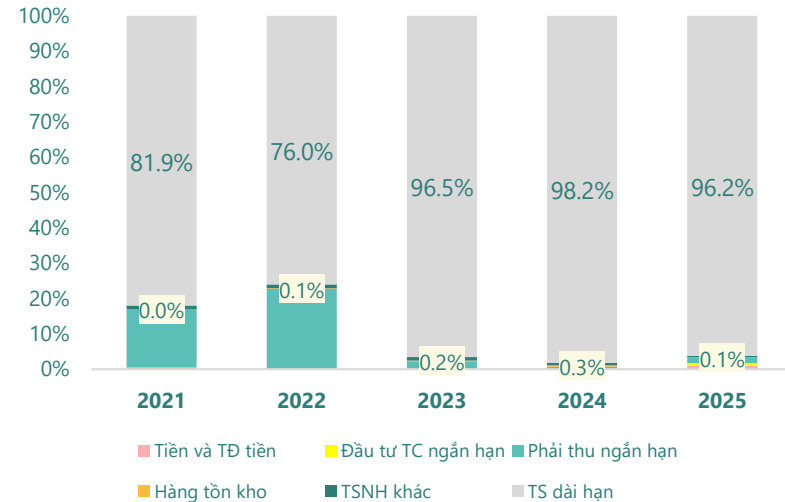
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

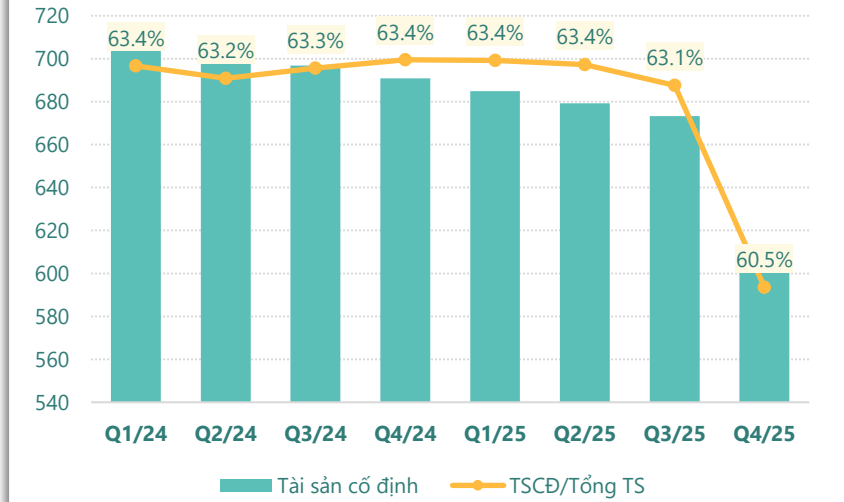
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

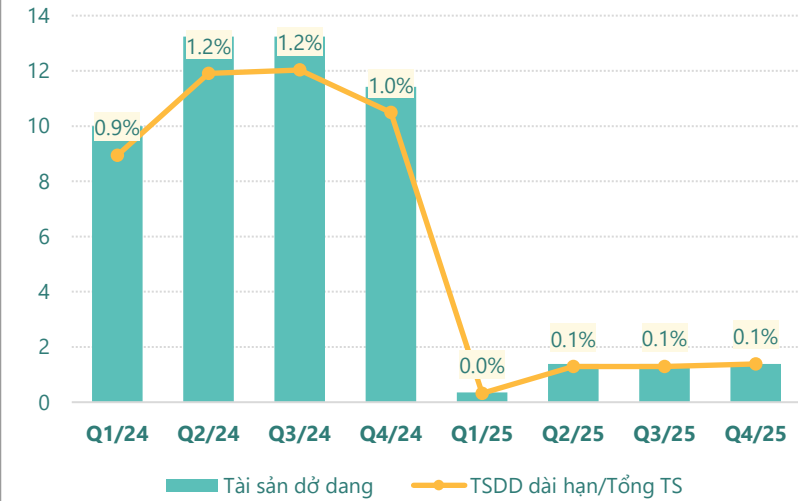
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

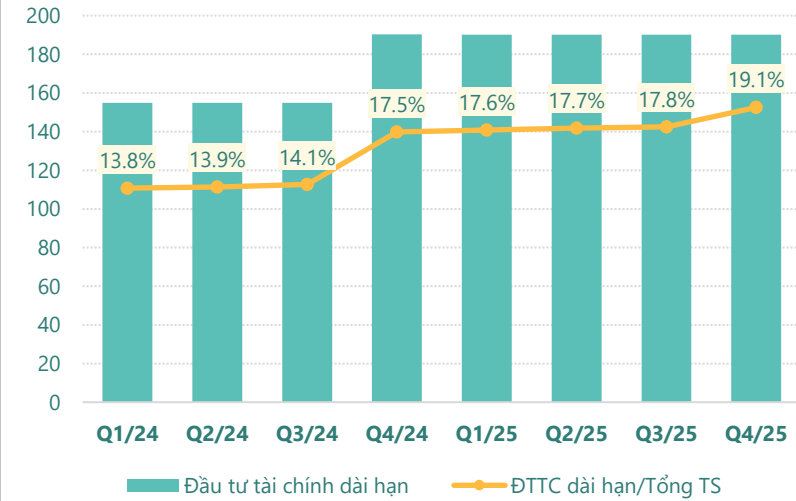
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

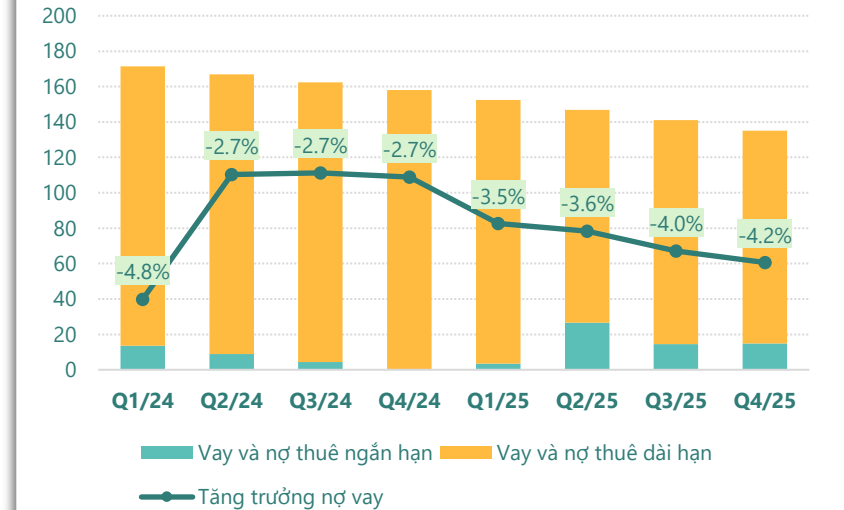
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

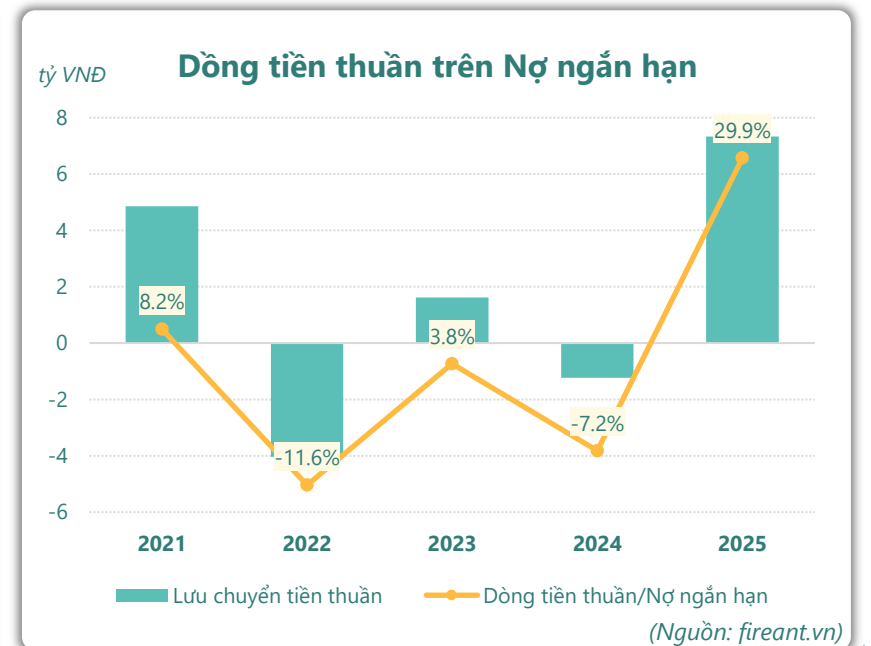
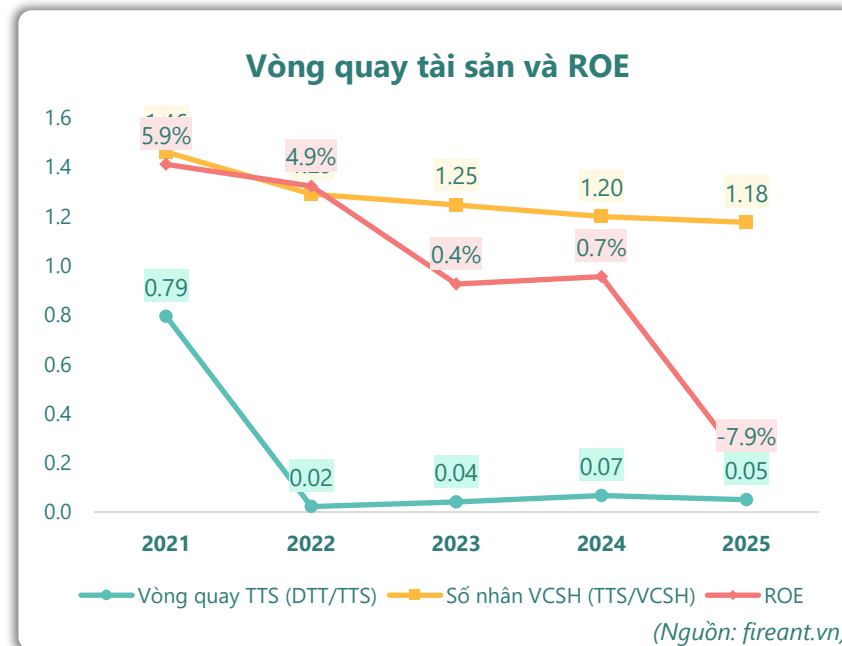
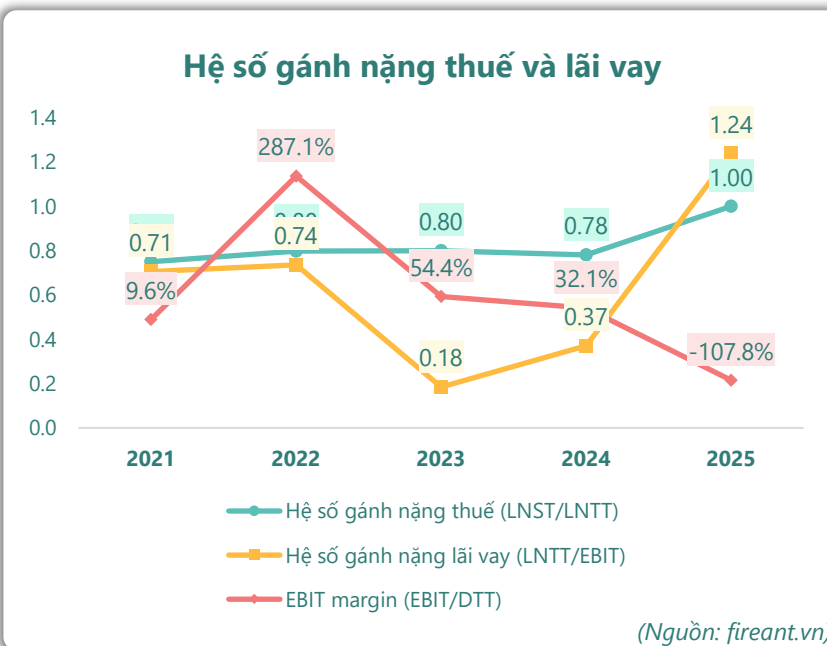
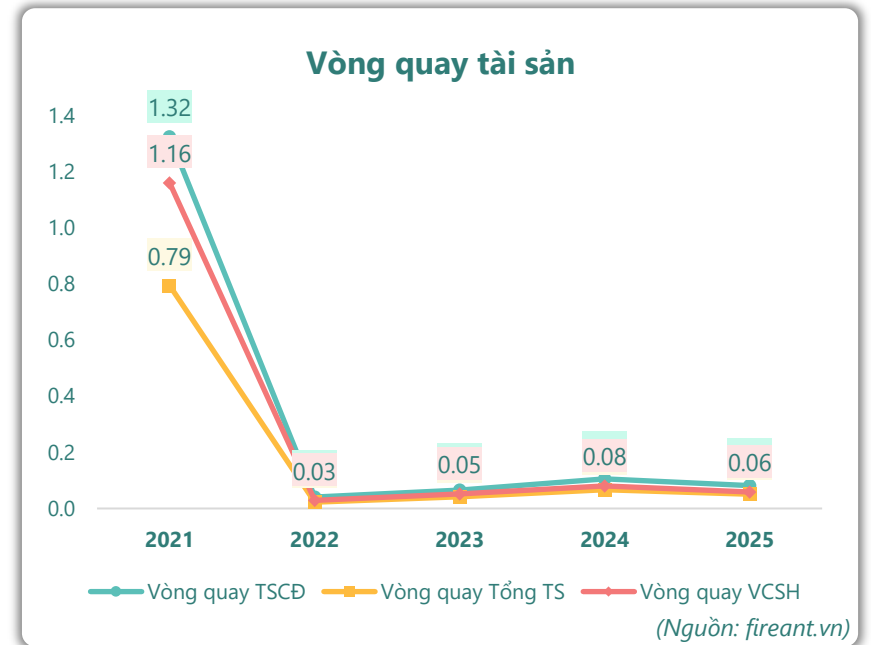
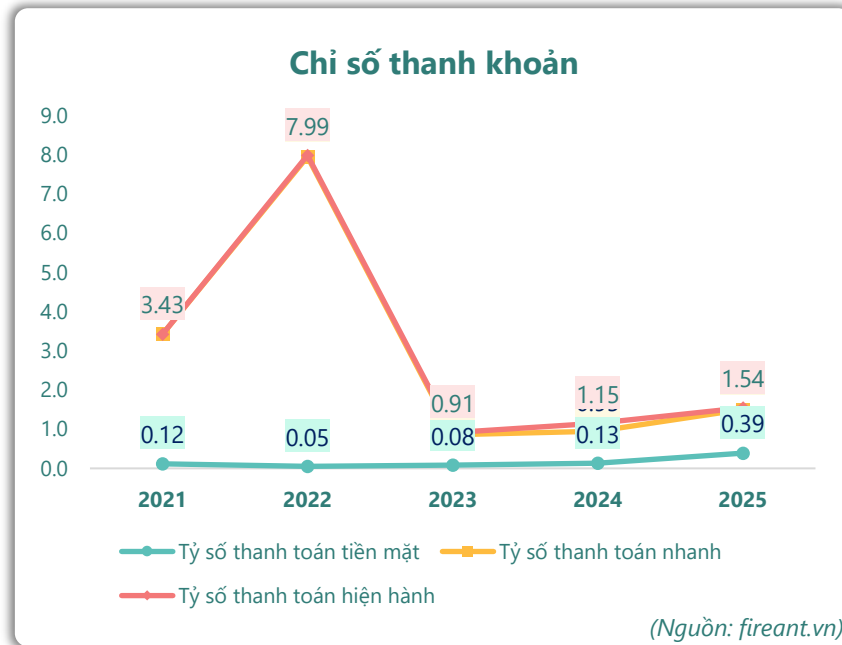
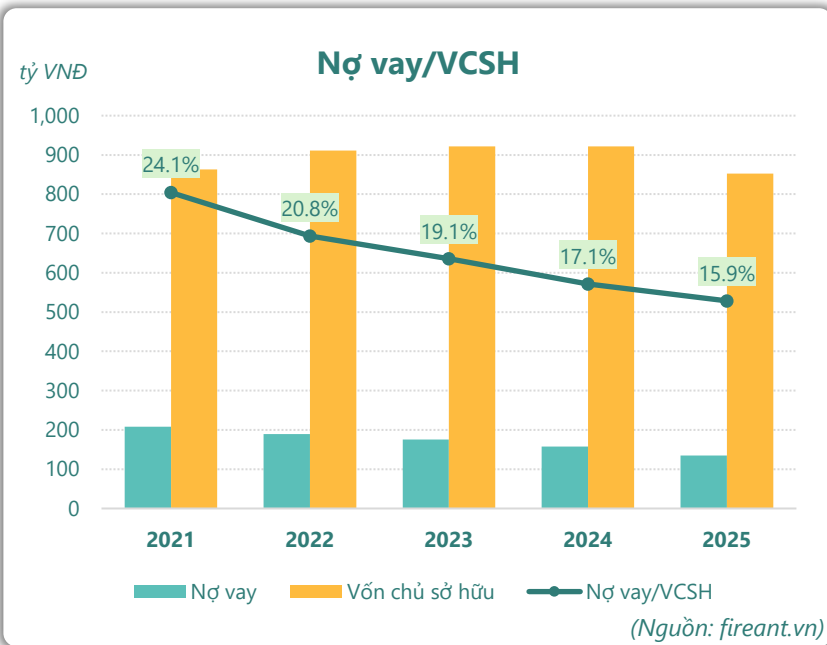
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	16.2	13.0	24.3%	52.5	74.3	-29.3%
Giá vốn hàng bán	15.3	13.8	10.8%	53.5	47.2	13.3%
Lợi nhuận gộp	0.88	-0.75	217%	-0.98	27.1	-104%
Doanh thu HĐTC	6.54	15.9	-58.9%	26.4	16.1	64.6%
Chi phí TC	3.21	3.64	-11.8%	13.5	15.0	-10.2%
Chi phí lãi vay	3.21	3.64	-11.8%	13.5	15.0	-10.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.97	0.03	3150%	2.20	0.11	1959%
Chi phí QLDN	0.43	4.63	-90.6%	6.82	18.5	-63.1%
LN thuần từ HĐKD	2.79	6.88	-59.4%	2.97	9.55	-68.9%
Lợi nhuận khác	-66.9	1.50	-4563%	-73.0	-0.70	-10319%
LN trước thuế	-64.2	8.38	-866%	-70.0	8.84	-892%
Lợi nhuận sau thuế	-64.2	9.00	-813%	-70.0	6.91	-1114%
LNST của CĐ cty mẹ	-64.2	9.00	-813%	-70.0	6.85	-1123%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.1	36.2	11.6	-18.5	2.56	4.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.78	-35.3	-3.87	25.7	3.18	4.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	-4.44	-5.56	-5.56	-5.86	-5.90
Tiền đầu kỳ	0.77	5.68	2.19	4.35	6.02	5.90
Lưu chuyển tiền thuần	4.91	-3.49	2.16	1.67	-0.11	3.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.68	2.19	4.35	6.02	5.90	9.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	997	1,088	-8.3%
Tài sản ngắn hạn	37.9	19.7	92.7%
Tiền và tương đương tiền	9.52	2.19	334%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.21	0	
Phải thu ngắn hạn	15.4	6.06	154%
Hàng tồn kho	0.97	3.49	-72.3%
Tài sản ngắn hạn khác	4.77	7.91	-39.7%
Tài sản dài hạn	959	1,068	-10.2%
Phải thu dài hạn	144	156	-7.7%
Tài sản cố định	603	691	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0.35	298%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	20.6	30.5	-32.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	145	166	-12.9%
Nợ ngắn hạn	24.5	17.1	43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.9	8.94	66.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.71	0.74	264%
Nợ dài hạn	120	149	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	149	-19.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	852	921	-7.5%
Vốn chủ sở hữu	852	921	-7.5%
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

